

Bản án số: 99/2020/HSST
Ngày: 26-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng N
2. Ông Nguyễn Hồng T

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim T là Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh T- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 108/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Huỳnh Đoàn Thị Trúc A, sinh ngày 07-5-2000 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ 8, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Hùng C, sinh năm 1981 và bà Đoàn Thị H, sinh năm 1980; chồng là ông Trần Võ Thanh H, sinh năm 1996, có 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại. “Có mặt”

- Bị hại:

+ Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm 1979. Trú tại: Tổ 11, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. “Có mặt”

+ Ông Nguyễn Đông H, sinh năm 1975. Trú tại: Tổ 5, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. “Có mặt”

+ Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1979. Trú tại: Tổ 14, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. “Vắng mặt”

+ Bà Trần Thị M, sinh năm 1983. Trú tại: Ấp 3, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. “Vắng mặt”

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 5, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. “Có mặt”

+ Bà Phan Thị Thanh N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Đ Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ 5, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. “Vắng mặt”

+ Em Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 2005. Địa chỉ: Tổ 8, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. “Vắng mặt”

- Người đại diện hợp pháp cho cháu N:

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 8, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 06-5-2020, bị cáo Huỳnh Đoàn Thị Trúc A chạy xe mô tô biển số 72H1-5633 chở Nguyễn Thị Huỳnh N đến quán “Anh Thy” tại ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để mua cơm. Đến nơi, bị cáo nói N vào mua cơm còn bị cáo sang cửa hàng thu mua hạt điều của ông Nguyễn Đông H để xin bao đựng hạt điều. Khi vào cửa hàng ông H, bị cáo không thấy ai, nhưng thấy trên ghế ở phòng khách có treo một túi xách, bị cáo đi đến mở túi xách lấy hết tiền bên trong bỏ vào túi áo khoác của mình và đi ra thì bị ông H phát hiện đuổi theo được khoảng 20 mét thì bắt kịp và báo công an, bị cáo trả lại cho ông H số tiền 15.400.000đ (trong đó có 200.000đ của bị cáo). Qua làm việc tại cơ quan điều tra, bị cáo khai trước đó có thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản như sau:

Khoảng 16 giờ 15 phút, ngày 09-3-2020, bị cáo chạy xe mô tô biển số 72H1-5633 đến tiệm tạp hóa “Tú Hảo” tại ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu lấy số tiền 5.730.000đ của bà Phạm Thị Bích T.

Khoảng 12 giờ ngày 04-5-2020, bị cáo chạy xe mô tô biển số 72H1-5633 đến tiệm tạp hóa ‘Mỹ Ái’ tại ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu lấy số tiền 5.700.000đ của bà Trần Thị M và ông Nguyễn Việt H.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Huỳnh Đoàn Thị Trúc A đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã bồi thường xong cho các bị hại, họ không có yêu cầu nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện X tạm giữ:

- 01 chiếc xe máy hiệu Dream (SIRENA), biển số 72H1-5633 (SK YX10001660986, SM 150FMG01855986); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số A 0139460 mang tên Phan Thị Thanh N; 01 áo khoác màu hồng hiệu OmiDo, chất liệu vải thun Cotton, loại khóa kéo, có mũ, trên áo có chữ “SUN SHINE HOODIE” (áo dính nhiều vết dơ).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại không có yêu cầu về xử lý vật chứng; bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà H yêu cầu trả lại chiếc xe máy cho bà H, không yêu cầu trả lại chiếc áo khoác; Kiểm sát viên đề nghị trả lại chiếc xe cho bà H, tịch thu tiêu hủy chiếc áo khoác, vì không có giá trị.

Tại Bản cáo trạng số 109/CT-VKS, ngày 04-11-2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố Huỳnh Đoàn Thị Trúc A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Đoàn Thị Trúc A phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 16 tháng tù.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo Huỳnh Đoàn Thị Trúc A: Xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và các bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo, xét thấy: Khoảng 16 giờ 15 phút ngày 09-3-2020, bị cáo vào tiệm tạp hóa “Tú Hảo” lén lút chiếm đoạt số tiền 5.730.000đ của bà T; khoảng 12 giờ ngày 04-5-2020, bị cáo vào tiệm tạp hóa “Mỹ Ái” lén lút chiếm đoạt số tiền 5.700.000đ của ông H bà Á; khoảng 08 giờ ngày 06-5-2020 bị cáo vào cửa hàng của ông H lén lút chiếm đoạt số tiền 15.200.000đ của ông H. Tổng cộng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 26.630.000đ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại; bị cáo nuôi con dưới 36 tháng tuổi, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại, nuôi con dưới 36 tháng tuổi, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Các bị hại không yêu cầu nên không xem xét. Kiểm sát viên đề nghị không xem xét là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Hoàn trả cho bà Đoàn Thị H 01 chiếc xe máy hiệu Dream (SIRENA), biển số 72H1-5633 (SK YX10001660986, SM 150FMG01855986); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số A 0139460 mang tên Phan Thị Thanh N; tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu hồng hiệu OmiDo do không có giá trị theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị hoàn trả cho bà H 01 xe máy hiệu Dream, biển số 72H1-5633; tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu hồng hiệu OmiDo, do không có giá trị là có căn cứ, nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Đoàn Thị Trúc A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Đoàn Thị Trúc A 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Hoàn trả cho bà Đoàn Thị H 01 chiếc xe máy hiệu Dream (SIRENA), biển số 72H1-5633 (SK YX10001660986, SM 150FMG01855986); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số A 0139460 mang tên Phan Thị Thanh N; tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu hồng hiệu OmiDo, chất liệu vải thun Cotton, loại khóa kéo, có mũ, trên áo có chữ “SUN SHINE HOODIE”.

Án phí: Bị cáo Huỳnh Đoàn Thị Trúc A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR- VT;
- Công an tỉnh BR- VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trần Hiền